

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2024/DS-PT
Ngày 29 – 9 – 2024
V/v tranh chấp
quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Lâm Hồng

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Nghĩa

Ông Đặng Phi Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Khánh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai, Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2024/TLPT-DS ngày 16/8/2024 về việc: "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 15/2024/DS-ST ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh Lào Cai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1584/2024/QĐPT-DS ngày 18 tháng 9 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 1607/2024/QĐ-PT ngày 24 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lò A G

Địa chỉ: Thôn H, xã M, thị xã S, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Phạm Võ Văn P

Địa chỉ: Thôn K, xã A, huyện H, tỉnh Bình Định. Có mặt

Bị đơn: Ông Lò A T

Địa chỉ: Thôn H, xã M, thị xã S, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với bên nguyên đơn: Ông Lò A X

Địa chỉ: Thôn H, xã M, thị xã S, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Phạm Võ Văn P

Địa chỉ: Thôn K, xã Á, huyện H, tỉnh Bình Định. Có mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với bên bị đơn: Bà Tản Thị C

Địa chỉ: Thôn H, xã M, thị xã S, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

Người kháng cáo: Anh Lò A G

Địa chỉ: Thôn H, xã M, thị xã S, tỉnh Lào Cai

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn anh Lò A G và Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Về nguồn gốc đất đang tranh chấp: Ông nội anh Lò A G là Lò A P khai phá từ năm 1950 (anh G nghe bố anh kể lại), đến năm 1980 thì ông P cho bố đẻ anh G là ông Lò A C toàn bộ diện tích đất trên để canh tác, ông Lò A C canh tác thường xuyên đến năm 1995 thì ông T lên khu vực H làm rẫy do không có đất canh tác nên ông T xin ông C 01 mảnh đất để làm nương (ông T là con chú, ông C là con bác). Ông C nhất trí cho ông T mượn mảnh đất hiện nay đang tranh chấp có vị trí giáp ranh giữa thôn Sả Xéng và phường S, có diện tích khoảng 700m². Ông C cho ông T mượn đất hai bên không viết giấy tờ gì. Ông T canh tác, sử dụng đất từ thời điểm năm 1995, sau đó ông C đã nhiều lần đòi lại đất nhưng ông T không trả, vợ chồng ông C cao tuổi nên cho hai con trai Lò A G, Lò A X toàn bộ diện tích đất đã cho ông T mượn trước đây, anh G, anh X đi gặp ông T để đòi đất nhiều lần nhưng ông T không trả. Đến năm 2017, anh G và em trai Lò A X đến nhà ông T để nói ông T trả lại hai anh diện tích đất trên nhưng ông T bảo anh G và anh X cho ông mượn thêm để canh tác nên anh G và anh X đồng ý cho mượn thêm, tất cả những lần đòi đất giữa anh G, anh X với ông T thì đều nói bằng miệng, không viết giấy tờ gì, cũng không có người làm chứng đi cùng. Đến năm 2019 ông C chết, ông T lại lấn sang đất của gia đình anh G. Đến năm 2021, ông T tranh chấp thêm phần đất bên ngoài phía đường đi ở vách đá của nguyên đơn. Toàn bộ diện tích đất tranh chấp ông T đang quản lý sử dụng thửa đất nương phía bên trong, thửa đất đá giáp đường bên ngoài ông T sử dụng để đi, anh G trồng bí và khoai ở thửa bên ngoài, từ ngày xảy ra tranh chấp thì không ai canh tác sử dụng toàn bộ khu đất trên. Nguyên đơn không nhớ thời gian cũng như không nhớ cụ thể nội dung nhưng nguyên đơn nhớ trước đây Ban Chỉ huy quân sự thị xã S có quy hoạch đất để làm đất quốc phòng, bố nguyên đơn ông C bảo ông T không được ký mà ông C mới được ký, nguyên đơn không biết nội dung cụ thể. Đất tranh chấp có 02 thửa:

Thửa đất nương phía bên trong có các mặt tiếp giáp như sau: Một mặt giáp đất của ông Tản A P; Một mặt giáp đất phía bên trên của nguyên đơn; Một mặt giáp với đường đi vào nương.

Thửa đất, đá bên ngoài có diện tích khoảng hơn 100m², có chiều rộng 9,1m,

chiều dài 15m, có các mặt tiếp giáp 1 mặt giáp đường bê tông đi phường S, một mặt giáp đất ông Tần A P; Một mặt giáp với thửa đất số 1; Một mặt giáp đất của nguyên đơn.

Nguyên đơn đề nghị Tòa án nhân dân thị xã S xem xét giải quyết: Buộc ông Lò A T, bà Tần Thị C trả lại cho nguyên đơn toàn bộ diện tích đất đang tranh chấp theo kết quả xem xét thẩm định đo đạc tại chỗ của Tòa án nhân dân thị xã S.

Bị đơn ông Lò A T trình bày:

Về nguồn gốc đất: Năm 1979 Trung Quốc tàu họa (Chiến tranh biên giới Việt – Trung năm 1979), hai vợ chồng ông chuyển khẩu từ L lên thôn H, xã H, huyện S, tỉnh Lào Cai (nay là thôn H, xã M, thị xã S, tỉnh Lào Cai) để sinh sống. Quá trình lên thôn H để sinh sống vợ chồng ông có khai phá và rào được 01 khu đất để làm vườn canh tác trồng cây thuốc phiện, khi Nhà nước cấm trồng cây thuốc phiện thì gia đình ông trồng rau su hào giống, trồng ngô, khoai, đậu đỗ..... Đất có các mặt tiếp giáp như sau: 1 mặt giáp đất của ông Tần A P, 1 mặt giáp đất của ông Lò A C (là bố đẻ của anh Lò A G và anh X); 1 mặt giáp với đường đi vào nương. Khu đất vườn của gia đình bị đơn không đo đạc bao giờ nhưng ước tính có tổng diện tích khoảng 650m².

Ngoài khu vườn trên thì vợ chồng ông còn khai phá thêm được một mảnh đất, đá để làm đường đi vào khu vườn nêu trên có diện tích khoảng hơn 100m², có chiều rộng 9,1m, chiều dài 15 m, đường có các mặt tiếp giáp 1 mặt giáp đường bê tông đi phường S, một mặt giáp đất ông Tần A P; một mặt giáp vườn của anh Lò A G, 1 mặt giáp với thửa đất nương phía trong vợ chồng ông. Hàng năm vợ chồng ông vẫn canh tác trồng ngô trên diện tích đất nương ngô bên trong, vợ chồng ông sử dụng thường xuyên liên tục không bỏ năm nào. Phần diện tích đất bên ngoài toàn bộ là đá, chỉ có một số hốc đất nên ông không canh tác mà sử dụng để làm đường đi vào phần đất nương bên trong. Quá trình canh tác do nhận thức pháp luật hạn chế, hơn nữa theo phong tục của người Mông thì ai làm ở đâu thì cứ làm ở đó, không ai đến tranh chấp, cũng không đi tranh chấp với ai nên ông bà không đi kê khai đo đạc địa chính, đăng ký quyền sử dụng đối với toàn bộ diện tích đất trên.

Ngày 09/3/2022 anh Lò A G, Lò A X có hành vi cản trở không cho vợ chồng ông sử dụng phần diện tích đường đi. Anh X đã mang lưới thép gai đi rào phần đất đá làm đường đi của vợ chồng ông, vợ chồng ông không có đường đi làm nương, anh G, anh X tự ý trồng cỏ voi vào diện tích đất nêu trên nhưng ông không đồng ý nên đã nhổ bỏ cây cỏ voi, dỡ rào thép gai, vợ chồng ông vẫn sử dụng diện tích đất trên để đi vào diện tích nương bên trong, ông T khẳng định vợ chồng ông là người quản lý sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp, tuy nhiên từ thời điểm tranh chấp do yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền nên cả hai bên không ai được phép canh tác tại khu đất tranh chấp. Vụ việc đã được nhiều cấp giải quyết nhưng hai bên không đạt được kết quả, đến nay anh G lại tiếp tục khởi kiện vợ chồng ông đến Tòa án nhân dân thị xã S yêu cầu vợ chồng ông trả lại cho

anh Lò A G, Lò A X toàn bộ diện tích đất tranh chấp. Ông không đồng ý vì đó là đất của vợ chồng ông

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan với bên nguyên đơn anh Lò A Xúa trình bày:

Nhất trí với toàn bộ ý kiến của anh Lò A G, đề nghị Tòa án nhân dân thị xã S giải quyết buộc ông Lò A T, bà Tần Thị C trả lại cho anh G và anh X toàn bộ diện tích đất tranh chấp theo kết quả xem xét, thẩm định đo đạc tại chỗ của Tòa án nhân dân thị xã S.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan với bên bị đơn bà Tần Thị C trình bày:

Bà Tần Thị C nhất trí với lời trình bày của ông Lò A T. Đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu của ông Lò A T.

Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2024/DS-ST ngày 01/7/2024 của Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh Lào Cai đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, 169, Điều 217, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 203 của Luật đất đai 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lò A G về việc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lò A T và bà Tần Thị C trả lại cho anh Lò A G và anh Lò A X toàn bộ diện tích 767m² đất (đã trừ 27,3m² đất hành lang giao thông), đất thuộc tổ 01 phường Sa Pả, thị xã S, tỉnh Lào Cai. (Sơ đồ trích đo là phần không thể tách rời bản án).

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn anh Lò A G phải chịu 1.500.000đồng tiền chi phí xem xét thẩm định đo đạc tại chỗ, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Lò A X phải chịu 3.000.000đồng phải chịu 1.500.000đồng tiền chi phí xem xét thẩm định đo đạc tại chỗ, nguyên đơn đã nộp 3.000.000đồng tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định đo đạc tại chỗ, anh X phải trả cho anh G 1.500.000đồng tiền chi phí xem xét thẩm định đo đạc tại chỗ.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 22/7/2024, nguyên đơn anh Lò A G kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và nguyên đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo; Bị đơn đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giữ nguyên quan điểm trong quá trình giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Hội đồng xét xử, thư ký tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai: Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 15/2024/DS-ST ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh Lào Cai về án phí dân sự sơ thẩm và nghĩa vụ chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Tuyên án phí, nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của nguyên đơn anh Lù A G có đầy đủ nội dung, đảm bảo thời hạn theo quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn

[2.1] Về thủ tục tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm:

Tại đơn kháng cáo đề ngày 22/7/2024, nguyên đơn Lù A G kháng cáo với lý do Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, gồm: Tự ý thông báo hoãn phiên tòa (khi đương sự không được thông báo và không biết ngày xét xử, sửa chữa thông báo hoãn phiên tòa không đúng theo Điều 268); Tự giả mạo lời khai của nhân chứng (tại phiên tòa nhân chứng công khai cho biết đó không phải là lời khai của nhân chứng); Sửa bản án không đúng quy định; Trước khi xét xử không tổ chức phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải; Từ chối các nhân chứng do nguyên đơn cung cấp.

Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã ban hành thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 30/TB-TA ngày 16/4/2024 và tổng đạt hợp lệ cho các đương sự. Ngày 23/4/2024, bị đơn ông Lò A T có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 25/4/2024, cả nguyên đơn và bị đơn vắng mặt, vì vậy Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp cho các đương sự là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 210 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về trình tự, thủ tục hoãn phiên tòa có đầy đủ Biên bản thảo luận, Biên bản phiên tòa sơ thẩm, Quyết định hoãn phiên tòa được tổng đạt hợp lệ, đầy đủ cho các đương sự theo quy định tại Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc lấy lời khai của những người làm chứng được thực hiện tại trụ sở Tòa án, có Thẩm phán, Thư ký Tòa án lấy lời khai, có người phiên dịch đối với trường hợp người không nghe, viết, nói được tiếng Việt. Biên bản lấy lời khai có chữ ký, đi kèm chỉ xác nhận của các thành phần, đảm bảo

theo quy định tại Điều 99 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hình thức Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án thực hiện chưa đúng quy định tại Mẫu số 53-DS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao), tuy nhiên đã đảm bảo về nội dung theo quy định tại Điều 268 Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ những phân tích trên xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Vì vậy kháng cáo của anh Lù A G đề nghị tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[2.2] Về nội dung vụ án:

- Về xác định diện tích đất tranh chấp: Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 03/4/2024 của Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh Lào Cai, các đương sự xác định diện tích đất tranh chấp là 794,3m², cụ thể: Hướng Đông giáp ranh đất ông Lù A G, hướng Tây giáp ranh đất ông Lù A G, hướng Nam giáp ranh với đường liên thôn H đi xã M, hướng Bắc giáp ranh với ông Tần A M. Trong đó diện tích đất tranh chấp gồm 02 thửa, thửa thứ nhất có diện tích 618,6m², thửa thứ hai có diện tích 175,7m². Sau khi lồng ghép, kiểm tra trên hệ thống toàn bộ diện tích đất tranh chấp theo sơ đồ đo đạc nằm ở khoảnh 2 lô 4 và khoảnh 2 lô 13 bản đồ diễn biến rừng. Do đó, Tòa án xác định đất tranh chấp giữa anh Lù A G và ông Lò A T là 794,3m² gồm 02 thửa, thửa thứ nhất có diện tích 618,6m², thửa thứ hai có diện tích 175,7m².

- Về nguồn gốc đất: Nguyên đơn xác định diện tích đất đang tranh chấp là do ông Lù A C, bà Giàng Thị M cho các con Lù A G và Lù A X, việc tặng cho không có giấy tờ và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chưa kê khai đất đăng ký quyền sử dụng với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Nguyên đơn cũng xác định trước đây ông C có nói lại với anh G và anh X về việc cho ông T mượn đất để làm nương, sau này anh G và anh X nhiều lần đến đòi nhưng ông T không trả đất. Việc đòi lại đất không có ai xác nhận hay được cơ quan có thẩm quyền giải quyết. Nguyên đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh nguồn gốc đất, người làm chứng đều là anh em, họ hàng với nguyên đơn nên việc làm chứng không khách quan. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Tần Thị C xác định nguồn gốc đất tranh chấp do vợ chồng bị đơn khai phá, kè rào đá để bảo vệ, làm ranh giới với các hộ xung quanh, bị đơn canh tác sử dụng đất liên tục từ năm 197 đến nay không tranh chấp, sử dụng thửa đất nương (thửa 01) để trồng cây ngắn ngày và sử dụng thửa đất bên ngoài (thửa 02 là tảng đá) để làm đường đi vào thửa đất nương. Người làm chứng ông Giàng A T xác định nguồn gốc đất tranh chấp là do ông Lò A T khai phá để canh tác, khoảng trước năm 1979, ông C và ông T đều là người từ L lên khai đất để canh tác, đất của ông C và ông T được ngăn cách với nhau bằng hàng rào đá (BL 38A – 38B). Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định nguồn gốc đất do ông T, bà Chư khai phá là có căn cứ.

- Về quá trình sử dụng đất: Nguyên đơn xác định do ông Lù A C đã cho vợ chồng ông T mượn thửa đất nương bên trong để trồng ngô (không rõ thời gian

nào) nên từ đó tới khi tranh chấp nguyên đơn không canh tác sử dụng đối với thửa đất nương. Đối với thửa đất, đá bên ngoài nguyên đơn là người quản lý sử dụng để trồng khoai, trồng bí và cây cỏ voi, khi cơ quan có thẩm quyền dựng cột điện qua khu đất trên thì nguyên đơn được bồi thường tiền hoa màu trên đất. Vợ chồng bị đơn thường đi qua đất nương của các hộ giáp ranh để vào thửa đất nương bên trong canh tác, đến khi các hộ xung quanh cho thuê đất, bị đơn không có đường đi nên đã sử dụng thửa đất, đá này để đi vào thửa đất nương ở bên trong và cho người nhỏ cây cỏ voi phá hàng rào dây thép gai đi để sử dụng đất. Bị đơn khẳng định sau khi khai phá đất nương đã thực hiện kê rào đá cao để bảo vệ nương và làm ranh giới với các hộ xung quanh, canh tác sử dụng liên tục không tranh chấp từ năm 1979. Ngoài lối đi từ đường vào thửa đất, đá bên ngoài đi xuống thửa đất nương thì bị đơn không còn lối đi nào khác.

Người làm chứng ông Giàng A T xác định toàn bộ diện tích đất trên là của bị đơn khai phá và sử dụng, không tranh chấp với ai, anh em nguyên đơn không canh tác sử dụng diện tích đất tranh chấp bao giờ. Đến thời điểm năm 2022 anh Lù A X mới rào dây thép gai tại thửa đất giáp đường đi và trồng bí vào các hốc đá tại thửa đất đó. Người làm chứng cho nguyên đơn ông Lù A M, ông Má A D, ông Lò A C, ông Giàng A L, ông Lò A N, bà Lù Thị S, ông Tấn A M, ông Lò A C đều khai từ trước đến nay đều thấy ông Lò A T và bà Tấn Thị C là người canh tác sử dụng thửa đất nương bên dưới, đối với thửa đất đá bên trên anh G canh tác, bị đơn có sử dụng phần đất, đá giáp đường bên ngoài để đi và ngoài ra bị đơn trước đây còn đi qua nương của các hộ giáp ranh để vào mảnh nương bên trong để canh tác. Người làm chứng Lù A T là em trai của anh Lù A G, anh trai của Lù A X khai diện tích đất tranh chấp là của ông C cho các con trai Lù A G và Lù A X. Trước đây anh nghe ông C nói lại là ông cho vợ chồng ông T mượn để canh tác nên ông C và các con không canh tác trên diện tích đất trên, mà vợ chồng ông T là người canh tác, sử dụng đất, anh G trồng hoa màu ở diện tích đất giáp đường tại thửa đất tranh chấp số 02, canh tác ở phần đất không có đá. Người làm chứng Giàng Thị M là mẹ đẻ của anh Lù A G, Lù A X khai diện tích đất tranh chấp là do ông Lù A P bố chồng bà khai phá rồi cho vợ chồng bà, sau này vợ chồng bà cho các con trai Lù A G và Lù A X. Trước đây ông C cho vợ chồng ông T mượn để canh tác nên vợ chồng bà và các con không canh tác trên diện tích đất trên, mà vợ chồng ông T là người canh tác, sử dụng đất, tại phiên tòa bà M khẳng định không có việc quy hoạch đất tranh chấp để làm đất quốc phòng mà trước đây đất đó là đất chỗ khác.

Tại văn bản số 06/DDSP – KHKT ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Điện lực thị xã S trả lời Tòa án nhân dân thị xã S vị trí cột điện số 07 thuộc đường dây 35kV mạch vòng S – H thuộc lộ 372 E20.54 được xây dựng tháng 12/2020 nằm tại hành lang đường, không nằm trong diện tích đất tranh chấp, thời điểm thực hiện dựng cột điện cơ quan điện lực có hỗ trợ tiền hoa màu cho anh Lù A G trồng trên đất hành lang số tiền là 624.000đồng.

Như vậy có đủ căn cứ để xác định toàn bộ diện tích đất tranh chấp do bị đơn khai thác sử dụng để canh tác trồng ngô, khoai và sử dụng làm đường đi là có căn cứ. Cả nguyên đơn và bị đơn đều khẳng định từ khi khai phá đất để canh

tác đối với diện tích đất nương tại thửa đất tranh chấp số 1 đã được rào xung quanh bằng hàng rào đá cao từ 50cm đến 1m, nếu bị đơn không đi qua thửa đất tranh chấp số 2 xuống thửa đất số 1 để canh tác mà đi qua nương của các hộ giáp ranh thì mỗi lần đi làm bị đơn phải trèo qua bờ rào đá là không hợp lý. Ngoài ra việc nguyên đơn được hỗ trợ tiền hoa màu khi thực hiện dựng cột điện nhưng hoa màu do nguyên đơn trồng là trồng trên phần đất hành lang giao thông của Nhà nước chứ không phải trên diện tích đất tranh chấp hiện nay, tại thửa đất tranh chấp số 2, hiện trạng là tảng đá to, chỉ có một vài hốc đá nhỏ, không có đất nên việc nguyên đơn khai từ trước đến thời điểm tranh chấp nguyên đơn canh tác sử dụng để trồng hoa màu là không phù hợp.

Tại văn bản số 1414/UBND – TNMT ngày 08/5/2024 của Ủy ban nhân dân thị xã S và văn bản số 151/UBND - ĐC của Ủy ban nhân dân phường S xác định diện tích đất tranh chấp 794,3m² chưa được đo đạc địa chính, chưa quy chủ sử dụng cho ai, không nằm trong dự án quy hoạch chi tiết công trình, dự án nào trên địa bàn phường S. Tại văn bản số 195/QLĐT - TH ngày 26/6/2024 của phòng quản lý đô thị thị xã S xác định cạnh thửa số 14 và 15 của thửa đất số 2 của diện tích đất tranh chấp giáp tuyến đường kết nối từ quốc lộ 4D qua bản Sả Sếng đến đường S - H (vị trí nằm ngoài ranh giới quy hoạch). Như vậy xác định thửa đất tranh chấp giáp với đường ngoài đô thị, cấp đường có cấp thấp hơn cấp V, phạm vi hành lang giao thông của đường là 4m, lồng ghép với sơ đồ xem xét thẩm định xác định được diện tích hành lang giao thông đường chồng lên thửa đất tranh chấp số 2 có diện tích là 27,3m². Tại thời điểm xem xét thẩm định của Tòa án thì trên thửa đất trên không có tài sản, hoa màu.

- Việc kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất: Nguyên đơn và bị đơn đều khai nhận chưa thực hiện kê khai, đăng ký quyền sử dụng đối với toàn bộ diện tích đất đang tranh chấp.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xác định về nguồn gốc đất, việc quản lý sử dụng, kê khai đăng ký quyền sử dụng đất thì toàn bộ diện tích đất đang tranh chấp thuộc quyền sử dụng của vợ chồng bị đơn ông LÒ A T là phù hợp. Trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa, người kháng cáo không cung cấp được chứng cứ nào khác chứng minh nội dung kháng cáo của mình là có căn cứ. Do đó kháng cáo của anh LÒ A G không được chấp nhận.

[5] Về án phí và chi phí tố tụng:

Về án phí sơ thẩm và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên nguyên đơn anh LÒ A G phải chịu án phí và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định. Bản án sơ thẩm buộc nguyên đơn anh LÒ A G và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh LÒ A X (không có yêu cầu độc lập) phải chịu 3.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định đo đạc tại chỗ, anh G đã nộp đủ số tiền trên đã nộp đủ số tiền trên, anh LÒ A X phải trả cho anh G 1.500.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định đo đạc tại chỗ, buộc anh LÒ A G và anh LÒ A X mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm là

không đúng quy định tại khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 3 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Do đó cần sửa bản án dân sự sơ thẩm số 15/2024/DS-ST ngày 01/7/2024 của Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh Lào Cai về phần án phí và nghĩa vụ chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Về án phí phúc thẩm: Do bản án bị sửa về phần án phí và chi phí tố tụng nên người kháng cáo không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2024/DS-ST ngày 01/7/2024 của Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh Lào Cai như sau:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, Điều 169, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 203 của Luật đất đai 2013; Khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lò A G về việc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lò A T và bà Tần Thị C trả lại cho anh Lò A G và anh Lò A X toàn bộ diện tích 767m² đất (đã trừ 27,3m² đất hành lang giao thông), đất thuộc tổ 01 phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai. (Sơ đồ trích đo là phân không thể tách rời bản án).

- Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn anh Lò A G phải chịu 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Xác nhận nguyên đơn đã nộp đủ.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lò A G phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ngày 26/12/2023 ký bởi Công ty cổ phần thanh toán quốc gia Việt Nam và biên lai số 0001541 ngày 01/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã S, tỉnh Lào Cai. Xác nhận anh Lò A G đã nộp đủ án phí.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn anh Lò A G không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho anh Lò A G số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001627 ngày 31/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã S, tỉnh Lào Cai.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- TAND TX. S;
- Chi cục THADS TX. S;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSPA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Lâm Hồng